

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 121 Trần T, Tổ 3, Khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố H.

- Ông Võ Th, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 121 Trần T, Tổ 3, Khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Thị T và ông Võ Th là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được quy định tại khoản 2 Điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trịnh Thị T và ông Võ Th xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận N, Thành phố Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 ngày 09/01/1999. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa bà Trịnh Thị T và ông Võ Th đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của bà Trịnh Thị T và ông Võ Th là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà T và ông Th xác nhận có 02 con chung tên: Võ Trinh Trân C (nữ), sinh ngày 01/12/1999 và Võ Trinh Bảo Tr (nữ), sinh ngày 09/02/2003, cả hai con đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Trinh Thị T và ông Võ Th xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trinh Thị T và ông Võ Th cam kết không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Trinh Thị T và ông Võ Th chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trinh Thị T và ông Võ Th thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận N, Thành phố Đ cấp ngày 09/01/1999).

- Về con chung: Bà Trinh Thị T và ông Võ Th có 02 (hai) con chung tên: Võ Trinh Trân C (nữ), sinh ngày 01/12/1999 và Võ Trinh Bảo T (nữ), sinh ngày 09/02/2003, cả hai con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Trinh Thị T và ông Võ Th phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0014074 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố H. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Tp.H;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Tp.H;
- Ủy ban nhân dân phường H, quận N, Thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Thom).

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân